

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRÚNG TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI NĂM 2021 TẠI HÀ NỘI**  
**THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THĂNG**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 555/TB-ĐHTL ngày 20 tháng 07 năm 2021 của Hội đồng xét tuyển Đại học chính quy năm 2021)

| TT | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                  | Mã ngành TT | Tên ngành TT                        | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|----|---------------------|------------|-----------|---------|-----------|---------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Bùi Trường An       | 01/10/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội                                 | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 2  | Cao Thanh An        | 09/02/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã yên Khang, Ý Yên, Tỉnh Nam Định                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 3  | Đình Hoàng An       | 11/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 3, Nhà 8, tập thể KTQD đồng tâm, Hai Bà trung, Hà Nội            | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 4  | Lưu Vũ Hoài An      | 16/10/2003 | Nữ        | 3       |           | Căn hộ A1, tầng 7 tòa nhà Westa, khu đô thị Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 5  | Nguyễn Nhật An      | 26/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 30, ngõ 34 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Hà Nội                    | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 6  | Trần Hoàng Thái An  | 21/10/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 45, Nguyễn Thái Học, Điện Biên, ba Đình, hà nội                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 7  | Võ Công An          | 01/01/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xóm Tây Lai, Phú Thành, Yên Thành, Nghệ An                          | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 8  | Nguyễn Thiên Ân     | 18/12/2003 | Nam       | 3       |           | P211 C8 Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 9  | Bùi Minh Anh        | 11/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Thửa đất 29-2 Bản đồ 09 tổ dân phố 11, phú lương, Hà Nội            | TLA401      | Kinh tế                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 10 | Bùi Minh Anh        | 11/06/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Trường Yên, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội                              | TLA405      | Thương mại điện tử                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 11 | Bùi Tổ Công Anh     | 03/11/2000 | Nam       | 2       |           | Khu 1, Phường Ka Long, Móng Cái                                     | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 12 | Chu Chí Anh         | 06/11/2003 | Nam       | 3       |           | Thôn Ngải Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, hà Nội                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 13 | Đan Thị Phương Anh  | 02/06/2002 | Nữ        | 3       |           | Số 13, ngõ 104 Tôn Đức Thắng, Trần Nguyên hân, Lê Chân, Hải Phòng   | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 14 | Đặng Hoàng Tiến Anh | 12/12/2003 | nam       | 3       |           | số 2, ngõ 192/27 đường Kim Giang, Hoàng mai, Hà Nội                 | TLA117      | Kỹ thuật phần mềm                   | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 15 | Đặng Quang Anh      | 18/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 21, tổ 65 Phường hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội                | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 16 | Đình Ngọc Anh       | 24/10/2003 | Nữ        | 1       |           | Tổ 15, phường Phương Lâm, Hòa Bình, Tỉnh hòa Bình                   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 17 | Đỗ Duy Anh          | 08/06/2003 | Nam       | 3       |           | P19 D1 tập thể Giảng võ, phường Giảng Võ, Ba Đình, hà Nội           | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 18 | Dương Duy Anh       | 02/06/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 8, Vĩnh Hưng, Hoàng mai, Hà Nội                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 19 | Hoàng Ngọc Hải Anh  | 29/04/2003 | Nam       | 2       |           | Phường Tân Sơn, tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa                        | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                         | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                   | Đối tượng xét tuyển                                                                             |
|----|----------------------|------------|-----------|---------|-----------|------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 | Kim Ngọc Đức Anh     | 23/11/2003 | Nam       | 3       |           | 201 A9, TT 128C Đại La, Hai Bà Trưng, Hà nội               | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 21 | Lê Đức Anh           | 01/05/2003 | Nam       | 3       |           | 10 ngõ Huyện, Hàn Trống hoàn kiếm , hà nội                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 22 | Lê Đức Anh           | 24/10/2003 | Nam       | 2       |           | Phường Tân Sơn, tp Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa               | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 23 | Lê Minh Anh          | 03/09/2003 | Nữ        | 1       |           | 216 tổ 18 tân thịnh, Hòa Bình                              | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                               |
| 24 | Lê Quang Anh         | 04/04/2003 | Nam       | 3       |           | xuân Tàng, Bắc phú, Sóc Sơn, hà nội                        | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 25 | Lê Trọng Anh         | 16/05/2003 | Nam       | 2       |           | Phường Phú Sơn, Tp Thanh Hóa                               | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 26 | Ngô Thị Thảo Anh     | 20/01/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Yên Tân, Huyện Ý Yên, Nam Định                          | TLA401      | Kinh tế                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 27 | Nguyễn Bùi Tuấn Anh  | 10/09/2003 | Nam       | 3       |           | P1 nhà 62 TT ĐH Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội            | TLA102      | Kỹ thuật tài nguyên nước                       | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 28 | Nguyễn Đăng Thế Anh  | 21/11/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Tây Tiến, Tiền Hải, Thái Bình                           | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                      |
| 29 | Nguyễn Hải Anh       | 07/06/2003 | Nam       | 3       |           | 17 tổ 1, phường Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội             | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi, và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên |
| 30 | Nguyễn Hồng Ngọc Anh | 14/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 69 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội                   | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 31 | Nguyễn Minh Anh      | 20/06/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 9, ngách 25/7 Vũ Ngọc Phan, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội    | TLA201      | Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 32 | Nguyễn Minh Anh      | 15/05/2003 | Nữ        | 3       | 06        | Số 10/7B/282 Khương Đình, Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội      | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 33 | Nguyễn Nguyệt Anh    | 28/06/2003 | Nữ        | 3       |           | Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                         | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh trường chuyên và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên                                 |
| 34 | Nguyễn Thảo Anh      | 19/08/2003 | Nữ        | 1       |           | số 354 tổ 8 phường Him Lam, Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên  | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                           |
| 35 | Nguyễn Thị Minh Anh  | 11/02/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 65 Lê Lợi, Nguyễn Trãi, hà Đông, Hà Nội                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 36 | Nguyễn Văn Anh       | 30/05/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ dân phố số 2, phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà nội | TLA201      | Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                       |
| 37 | Nguyễn Viết Việt Anh | 26/01/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà nội                         | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                               |
| 38 | Phạm Việt Anh        | 15/09/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Đồn Xá, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam                     | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 39 | Phan Mai Anh         | 01/02/2003 | Nữ        | 3       |           | 8 ngõ 1 Lê Văn Hưu, Hai Bà Trưng, hà nội                   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 40 | Phan Phú Anh         | 06/09/2003 | Nam       | 3       |           | Cụm 2, xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Hà Nội              | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |

| TT | Họ và tên          | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                                   | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                                  | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|----|--------------------|------------|-----------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 41 | Phan Thế Anh       | 10/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 34, Trương Công Định, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội                                   | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 42 | Quách Tú Anh       | 22/01/2003 | Nữ        | 3       |           | P411 nhà 41B Ngõ quan Thổ, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội                                 | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 43 | Tạ Mai Anh         | 22/05/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ 1, La Khê, Hà Đông, Hà Nội                                                        | TLA401      | Kinh tế                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 44 | Tạ Nhật Anh        | 19/9/2003  | Nam       | 1       |           | Tổ 8, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                            | TLA104      | Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng) | Học sinh trường chuyên và đạt giải cấp tỉnh                                               |
| 45 | Thạch Đức Anh      | 13/10/2003 | Nam       | 3       |           | 12 hẻm 2/1/1 ngõ 2 Vũ Thạnh, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội                              | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 46 | Tô Thị Vân Anh     | 21/02/2003 | Nữ        | 2       |           | Thôn Du Đồng, Xã Đại Hùng, Huyện ứng Hòa, Hà Nội                                     | TLA405      | Thương mại điện tử                                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 47 | Trần Đức Anh       | 20/11/2003 | Nam       | 3       |           | Lô 137 khu tái định cư ICC, Vĩnh Nhiệm, Lê Chân, Hải Phòng                           | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 48 | Trần Thị Ngọc Anh  | 27/06/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Thị trấn tiền Hải, Thái Bình                                                         | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 49 | Vũ Văn Anh         | 06/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Nhà 12, ngõ 22, Dương Lâm, Văn Quán, hà Đông, hà nội                                 | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 50 | Đinh Ngọc Ánh      | 16/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 41, Nguyễn trãi, Hà Đông, hà Nội                                                  | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 51 | Đỗ Cao Bách        | 07/10/2003 | Nam       | 1       |           | Số 86, tiểu khu 11, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La                                | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 52 | Đào Nguyễn Gia Bảo | 30/10/2003 | Nam       | 3       |           | TDP Ngọc Đại, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội                                            | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu                          | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 53 | Phạm Khánh Bảo     | 21/09/2003 | Nam       | 3       |           | Số 7, ngách 72/28 Dương Quảng hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, hà nội                        | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 54 | Sầm Gia Bảo        | 02/08/2003 | Nam       | 3       |           | 10 Lương Văn Can, Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                        | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 55 | Nguyễn Tiến Biên   | 19/07/2003 | Nam       | 2NT     |           | xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Hải Dương                                             | TLA119      | Công nghệ sinh học                                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 56 | Lê Đức Bình        | 24/07/2003 | Nam       | 1       |           | Thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Tỉnh Sơn La                                               | TLA405      | Thương mại điện tử                                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 57 | Lê Thanh Bình      | 19/12/2003 | Nữ        | 2       |           | 161 Lê Thanh Nghị, Phạm Ngũ Lão, Hải Dương                                           | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 58 | Nguyễn Xuân Bình   | 16/08/2003 | Nam       | 3       |           | P405 nhà A12 tập thể ĐH kinh tế quốc dân, phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà trung, Hà Nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 59 | Sùng Bình          | 16/06/2003 | Nam       | 1       |           | Thôn La Pan Tân, Xã La Pan Tân, Huyện Mường Khương, Lào Cai                          | TLA111      | Công nghệ kỹ thuật xây dựng                                   | Đối tượng 30A                                                                             |
| 60 | Bùi An Chi         | 23/06/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 4, ngách 34A/24 Trần Phú Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội                               | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 61 | Hoàng Thảo Chi     | 08/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội                                              | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                      | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                   | Đối tượng xét tuyển                                                                        |
|----|----------------------|------------|-----------|---------|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 62 | Nguyễn Thị Kim Chi   | 05/04/2003 | Nữ        | 3       |           | Xóm Hoa Thám, xã La Phù, huyện Hoài Đức, Hà nội                         | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 63 | Hà Mạnh Chiến        | 14/12/2003 | Nam       | 3       |           | Số 21 ngõ 74/30 tổ 11, Thượng Thanh, long Biên, Hà Nội                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 64 | Phạm Thị Tuyết Chinh | 07/05/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Tiên Trang, Quảng Xương, Thanh Hóa                                      | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 65 | Lê Thạch Cường       | 12/07/2003 | Nam       | 2NT     |           | Tổ Đông Thắng, Hải Châu, Nghi Sơn, Thanh Hóa                            | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu           | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                      |
| 66 | Phạm Kiên Cường      | 18/10/2003 | Nam       | 3       |           | 107A E1 Thái thịnh, phường Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 67 | Nguyễn Hải Đăng      | 28/09/2003 | Nam       | 3       |           | Số 1, ngõ 89, Ngõ Thi Sỹ, Tổ dân phố 9 phường vạn Phúc, Hà Đông, Hà nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 68 | Phạm Hải Đăng        | 19/09/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 16, Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội                                     | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                   | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 69 | Bùi Mạnh Thành Đạt   | 30/11/2003 | Nam       | 2       | 06        | 41 Nguyễn hiệu, Đông Hương, Thành phố Thanh Hóa                         | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy              | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên |
| 70 | Hoàng Tiến Đạt       | 11/07/2003 | Nam       | 3       |           | 1702 CT7C, khu đô thị Dương Nội, phường Dương Nội, Hà Đông, Hà nội      | TLA201      | Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 71 | Nguyễn Tiến Đạt      | 29/05/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ dân số 3, phường trung văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                      | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 72 | Nguyễn Trung Đạt     | 01/05/2003 | Nam       | 3       |           | TDP Hoàng Hanh, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội                              | TLA401      | Kinh tế                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 73 | Tiểu Hoàng Đạt       | 24/09/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Cẩm Khê, Thanh Hà, Hải Dương                                         | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 74 | Trần Tiến Đạt        | 03/06/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Vũ Tiến, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình                                | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                      |
| 75 | Nguyễn Cảnh An Đông  | 23/06/2003 | Nam       | 3       |           | 1, tổ 34, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội                                      | TLA404      | Kinh tế xây dựng                               | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 76 | Bùi Thanh Đức        | 25/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 9, phố Trùng Nhị, Nguyễn trãi, Hà Đông, hà Nội                       | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 77 | Bùi Trung Đức        | 20/11/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ 8 phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình               | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh trường chuyên và đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                     |
| 78 | Đặng Nguyễn Viết Đức | 05/10/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 25, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                                      | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 79 | Dương Minh Đức       | 27/05/2003 | Nam       | 3       |           | 68 Quang Trung, phường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội                     | TLA405      | Thương mại điện tử                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 80 | Hoàng Minh Đức       | 09/10/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội                                   | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 81 | Nguyễn Duy Đức       | 10/03/2003 | Nam       | 2       |           | Xóm Đền, thôn Hoàng Nguyên, xã Tri Thủy, Phú Xuyên, hà Nội              | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa             | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 82 | Nguyễn Hồng Đức      | 31/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 3, 4 TT Sở GD Hà Nội, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội                   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |

| TT  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                             | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                                                        | Đối tượng xét tuyển                                                                        |
|-----|-----------------------|------------|-----------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 83  | Nguyễn Quang Đức      | 06/02/2003 | Nam       | 1       |           | Số 18, tổ 3, Hữu Nghị, Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 84  | Phạm Minh Đức         | 11/10/2003 | Nam       | 2       |           | Số nhà 74 Vũ Hữu Khu 3, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                          |
| 85  | Trần Anh Đức          | 12/10/2003 | Nam       | 2NT     |           | thị Trấn triệu Sơn, Triệu Sơn, Thanh Hóa                                       | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 86  | Hà Huy Dũng           | 17/08/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ dân phố Đức Thành Phường Ninh Hải, Nghi Sơn, Thanh Hóa                      | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                      |
| 87  | Nguyễn Tiến Dũng      | 13/02/2003 | Nam       | 2       |           | Phường Minh Khai, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam                                | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 88  | Nguyễn Trọng Dũng     | 25/10/2003 | Nam       | 2       |           | Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh đạt giải cấp quốc gia                                                             |
| 89  | Nguyễn Trung Dũng     | 02/08/2003 | Nam       | 2NT     |           | Thị trấn Bình Mỹ, Bình Lục, Hà Nam                                             | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                                                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 90  | Nguyễn Tuấn Dũng      | 10/02/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ 9, Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                             | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy                                                   | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 91  | Nguyễn Vũ Dũng        | 17/08/2003 | Nam       | 3       |           | Khu 15, phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương                   | TLA105      | Nhóm ngành Kỹ thuật Cơ khí (Gồm các ngành: Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy.) | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 92  | Phạm Minh Dũng        | 11/08/2003 | Nam       | 2       |           | Số 01, đường 30 tổ 5 Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình                        | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy                                                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 93  | Trần quang Dũng       | 27/01/2003 | Nam       | 2       |           | phường Thanh Bình, tp Hải Dương, Tỉnh Hải Dương                                | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên |
| 94  | Trần Tuấn Dũng        | 30/04/2003 | Nam       | 1       |           | phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, Tỉnh hòa Bình                           | TLA404      | Kinh tế xây dựng                                                                    | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                          |
| 95  | Bùi Hoàng Dương       | 20/03/2003 | Nam       | 2       |           | Số 89 Bùi Thị Xuân, phường quang Trung, TX Sơn Tây, Hà Nội                     | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 96  | Cao Thùy Dương        | 13/11/2003 | Nữ        | 2       |           | 03/89 Trịnh Khả, Đông Vệ, Thanh Hóa                                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                      |
| 97  | Đỗ Ánh Dương          | 09/10/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 109 Yên Phúc, tổ 4, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội                                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                                                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 98  | Lê Quý Dương          | 12/11/2003 | Nam       | 2       |           | Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                             | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 99  | Nguyễn Bảo Dương      | 19/05/2003 | Nam       | 2       |           | Số 86, đường Lê hồng Phong, Thành phố bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang                | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 100 | Nguyễn Đăng Dương     | 29/11/2003 | Nam       | 3       |           | 30 Cát Linh, Đống Đa, Hà nội                                                   | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 101 | Nguyễn Đạt Thái Dương | 12/12/2003 | Nam       | 2       |           | Số 08, đường Đinh Tiên Hoàng, Thành Châu, Phủ Lý, Hà Nam                       | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                          |
| 102 | Nguyễn Thùy Dương     | 19/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Số nhà 51 tổ 17 phường Hoàng văn Thụ, Hoàng Mai, Hà nội                        | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                                                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 103 | Trần Hải Dương        | 14/04/2003 | Nam       | 2       |           | Số 6/18 Bá Liễu, Hải tân, Hải Dương, Hải Dương                                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |

| TT  | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                        | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                                  | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|----------------------|------------|-----------|---------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 104 | Bùi Thái Duy         | 11/02/2003 | Nam       | 3       |           | Ngõ 12b, Lý nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                     | TLA118      | Kỹ thuật hóa học                                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 105 | Ngô Mạnh Duy         | 24/02/2003 | Nam       | 1       |           | Khu 19, Bình Hàn, Thành Phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương                     | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 106 | Nguyễn Huy Anh Duy   | 25/12/2003 | Nam       | 3       |           | Số 1, Ngõ Gia tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 107 | Nguyễn Trần Anh Duy  | 12/02/2003 | Nam       | 3       |           | P110 B5, TT Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội                                     | TLA104      | Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng) | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 108 | Phạm Thành Duy       | 07/11/2003 | Nam       | 3       |           | 8/7 ngõ Chùa Liên Phái, Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 109 | Phan Tiến Duy        | 06/02/2003 | Nam       | 3       |           | Số 10, ngõ 50 Kim Hoa, Đống Đa, Hà Nội                                    | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 110 | Trần Mỹ Duyên        | 28/05/2003 | Nữ        | 2       |           | Tổ 5, khu 1a, phường Cẩm trung, Cẩm Phả, Quảng Ninh                       | TLA405      | Thương mại điện tử                                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 111 | Lê Bảo Giang         | 20/03/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 136, ngõ 554 đường Trường Chinh, phường Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 112 | Nguyễn Linh Giang    | 01/01/2003 | Nữ        | 3       |           | 17 Hàng Điều, Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                 | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 113 | Nguyễn Nam Giang     | 10/02/2003 | Nam       | 1       |           | Xã Hương Trạch, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh                             | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 114 | Trần Thị Hương Giang | 12/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Thôn An Định, Xã Tô Hiệu, huyện thường Tín, Hà Nội                        | TLA405      | Thương mại điện tử                                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 115 | Bùi Thu Hà           | 13/09/2002 | Nữ        | 1       |           | Số nhà 443, tổ 1, phường Thái Bình, Thành Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình         | TLA403      | Kế toán                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 116 | Lương Thị Ngọc Hà    | 14/09/2003 | Nữ        | 1       |           | Tiểu khu 5, thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Sơn La                             | TLA404      | Kinh tế xây dựng                                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 117 | Nguyễn Hoàng Hà      | 05/03/2003 | Nữ        | 3       |           | 53 ngách 53 ngõ Thông Phong, Quốc tử Giám, Đống Đa, Hà Nội                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 118 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 15/12/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh trì, Hà Nội                                      | TLA403      | Kế toán                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 119 | Nguyễn Thị Thu Hà    | 16/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Cụm 2, Từ Dương Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội                                | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 120 | Nguyễn Thúy Hà       | 17/01/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 4, Hoàng Diệu, Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội                             | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 121 | Nguyễn Văn Hà        | 12/01/2003 | Nữ        | 3       |           | số 50, ngõ 4, Đường Chiến Thắng, tổ dân phố 3, La Khê, Hà Đông, Hà Nội    | TLA403      | Kế toán                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 122 | Nguyễn Việt Hà       | 13/05/2003 | Nữ        | 2       |           | Tổ dân phố Cộng hòa, Thanh nê, Thị trấn Kiến Xương, Thái Bình             | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 123 | Phạm Nguyễn Hải Hà   | 23/08/2003 | Nam       | 3       |           | 92 Khu ga, Văn Điển, Thanh trì, Hà Nội                                    | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 124 | Phan Vũ Trang Hà     | 25/02/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 49, ngõ 3, đường Đoàn Kết, Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội                 | TLA403      | Kế toán                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT  | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                | Mã ngành TT | Tên ngành TT                        | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|---------------------|------------|-----------|---------|-----------|-------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 125 | Trần Hoàng Thu Hà   | 10/08/2003 | Nữ        | 2       |           | phường Vân Cờ, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ                   | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 126 | Tăng Xuân Hải       | 06/12/2003 | Nam       | 2       |           | 58 Quang Trung, Phường Quang Trung, Hải Dương                     | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 127 | Nguyễn Thu Hằng     | 09/09/2003 | Nữ        | 3       |           | 34 ngõ 204 Tôn Đức Thắng, Hàng bột, Đống Đa, Hà Nội               | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 128 | Dương Hồng Hạnh     | 09/01/2003 | Nữ        | 1       |           | Tổ 3, phường Hữu Nghị, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình          | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 129 | Nguyễn Thị Hạnh     | 29/08/2003 | Nữ        | 2       |           | Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội                                        | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 130 | Quách Thị Hồng Hạnh | 16/12/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, Hà Nội                             | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 131 | Lê Thị Hào          | 05/01/2002 | Nữ        | 2NT     |           | Xóm 3, xã Minh Châu, huyện Diễn Châu, Nghệ An                     | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 132 | Võ Thị Minh Hậu     | 02/11/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Nghi Thạch, Huyện Nghi Lộc, Nghệ An                            | TLA405      | Thương mại điện tử                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 133 | Nguyễn Thị Hiền     | 24/09/2003 | Nữ        | 2       |           | Khu Bỏ Sơn, Võ Cường, Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                     | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 134 | Phan Lê Thủy Hiền   | 16/01/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 5A ngõ 76 Phố An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội                | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 135 | Võ Thị Minh Hiền    | 02/11/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Nghi Thạch, Huyện Nghi Lộc, Nghệ An                            | TLA405      | Thương mại điện tử                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 136 | Nguyễn Minh Hiền    | 21/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 42 phố Hàng Bạc, phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội       | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 137 | Chu Mạnh Vũ Hiệp    | 09/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 3, ngõ 8, tổ 37, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội  | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 138 | Phạm Đình Hiệp      | 28/09/2003 | Nam       | 2NT     |           | Nam Bình, Kiến Xương, Thái Bình                                   | TLA120      | Kỹ thuật cơ điện tử                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 139 | Vũ Hoàng Hiệp       | 20/07/2003 | Nam       | 3       |           | A16, BII, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội                               | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 140 | Đặng Minh Hiếu      | 10/10/2003 | Nam       | 3       |           | tổ 1 văn Phú, Phường Phú La, hà Đông, Hà Nội                      | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 141 | Đỗ Minh Hiếu        | 18/09/2003 | Nam       | 3       |           | Số 3, gác 163/17 hoàng Văn Thái, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà nội | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 142 | Hà Huy Hiếu         | 06/03/2003 | Nam       | 3       |           | Số 22, ngõ 29, Khuất Duy tiến, Thanh xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 143 | Lê Trung Hiếu       | 04/02/2003 | Nam       | 3       |           | Quận Thanh Xuân, hà Nội                                           | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 144 | Lý Đức Hiếu         | 23/04/2003 | Nam       | 3       |           | Số 67 xuân Thủy, Dịch Vọng hậu, Cầu Giấy, Hà nội                  | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 145 | Nguyễn Đình Hiếu    | 17/06/2003 | Nam       | 3       |           | Số 3, ngõ 33, Đốc Ngừ, liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                   | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|-----------------------|------------|-----------|---------|-----------|-------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 146 | Nguyễn Đức Hiếu       | 08/09/2003 | Nam       | 3       |           | P302 B4 tập thể Khương Thượng, Trung Tự, Đống Đa, Hà nội          | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 147 | Nguyễn Quang Hiếu     | 02/12/2003 | Nam       | 3       |           | 57 An trạch 2, Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội                      | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 148 | Nguyễn Trung Hiếu     | 09/05/2003 | Nam       | 3       |           | Số 2, ngõ Nam Dư, Linh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội                     | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 149 | Phạm Minh Hiếu        | 17/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 10, tổ dân số 1, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội                     | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 150 | Phạm Tuấn Hiếu        | 21/10/2003 | Nam       | 3       |           | tân triều, Thanh trì, Hà nội                                      | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 151 | Trần Minh Hiếu        | 17/05/2003 | Nam       | 2       |           | Thôn Dư Xá, Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 152 | Nguyễn Diệu Hoa       | 17/07/2003 | Nữ        | 3       |           | A1-A10, tập thể Kẹo Hải Hà, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội            | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 153 | Nguyễn Thị Thanh Thoa | 25/02/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh                                   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 154 | Âu Thị Bích Hòa       | 20/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ 9, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà nội                                | TLA201      | Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 155 | Nguyễn Thị Thu Hòa    | 05/04/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Xã Tân Phú, Huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc                           | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 156 | Chu Minh Hoàn         | 04/12/2003 | Nam       | 2       |           | Tổ 85, khu 7A, phường cảm Phú, Cẩm Phả, Quảng Ninh                | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh, và đạt 3 năm học sinh giỏi                                    |
| 157 | Hồ Đức Hoàng          | 20/01/2003 | Nam       | 3       |           | Phòng 504A13 TT Kim Giang, phường Kim Giang, Thanh xuân, Hà Nội   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 158 | Tạ Minh Hoàng         | 18/03/2003 | Nam       | 3       |           | Số 17, ngõ 127 đường Nguyễn trãi, Thanh Xuân, Thượng Đình, Hà nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 159 | Võ Anh Hoàng          | 21/12/2003 | Nam       | 3       |           | Thôn Phúc Xuyên, Xã Vông Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Hà Nội            | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 160 | Vũ Tuấn Hoàng         | 21/09/2003 | Nam       | 3       |           | Số 2, ngõ 30, phố Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 161 | Nguyễn Thị Hồng       | 19/09/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Thôn Công Hà, xã Hà Mãn, Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh              | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 162 | Nguyễn Thị Thu Huệ    | 10/03/2001 | Nữ        | 2       |           | Thạch Thủy, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương                          | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 163 | Trần Thị Ngọc Huệ     | 30/04/2003 | Nữ        | 1       |           | Đội 2, thôn 1, Xã Hoành Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương      | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 164 | Đỗ Tuấn Hùng          | 27/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 4, ngõ 148 phố Mai Anh Tuấn, phường ô Chợ dứa, Đống Đa, Hà Nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 165 | Dương Mạnh Hùng       | 18/11/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội            | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 166 | Dương Quốc Hùng       | 21/09/2003 | Nam       | 3       |           | P1 nhà 20D Trần Quý Cáp, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội                | TLA404      | Kinh tế xây dựng                               | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |

| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                             | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                                                       | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|------------------------|------------|-----------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 167 | Nguyễn Đức Hùng        | 12/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 501, tòa K1, Văn phú, tổ dân phố 12, Phú La, Hà Đông, Hà Nội                | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 168 | Trần Đăng Hưng         | 10/10/2003 | Nam       | 3       |           | 108, ngõ 169, Minh Khai, phường Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội                | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 169 | Đinh Thị Thu Hương     | 18/10/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 387 Tổ 9 Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội                                         | TLA403      | Kế toán                                                                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 170 | Nguyễn Thị Thanh Hương | 12/04/2003 | Nữ        | 1       |           | Khu Đình Đồng, Quảng Yên, Thanh Ba, Phú Thọ                                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 171 | Trịnh Thu Hương        | 22/10/2003 | Nữ        | 2       |           | Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                             | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                                                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 172 | Bùi Quang Huy          | 16/10/2003 | Nam       | 3       |           | TDP Hà tri 3, Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội                                          | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 173 | Dương Ngọc Huy         | 23/09/2003 | Nam       | 2       |           | SN 13, Giáp Hải, Đình Kê, Bắc Giang                                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 174 | Hoàng Lê Huy           | 06/03/2003 | Nam       | 3       |           | Nhà B13, phòng 314 phường Thanh Xuân, Quận Thanh Xuân, Hà Nội                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 175 | Lê Vũ Quang Huy        | 22/10/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội                                          | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 176 | Nguyễn Đức Huy         | 14/07/2003 | Nam       | 1       |           | phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, Tỉnh hòa Bình                           | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành                                                | Học sinh trường chuyên và đạt giải cấp tỉnh                                               |
| 177 | Nguyễn Quang Huy       | 16/12/2003 | Nam       | 2       |           | số 104, ngõ 74 đường Hoàng Văn Thụ, tổ 4, phường Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 178 | Nguyễn Quốc Huy        | 15/04/2003 | Nam       | 2       |           | Số 43 Thôn Hòa Bình, Võ Cường, Bắc ninh                                        | TLA119      | Công nghệ sinh học                                                                 | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 179 | Nguyễn Việt Huy        | 13/07/2003 | Nam       | 3       |           | 313 ngõ Quỳnh phố Thanh Nhân, phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội      | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 180 | Phan Quốc Huy          | 01/03/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ dân phố 01, thị trấn Sông Mã, Sơn La                                        | TLA105      | Nhóm ngành Kỹ thuật Cơ khí (Gồm các ngành: Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ chế tạo máy) | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 181 | Trần Quang Huy         | 08/10/2003 | Nam       | 3       |           | P204, B4, Tập thể Khương Thượng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội                     | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                                                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 182 | Đỗ Thương Huyền        | 03/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 33/72/1/138 Nguyễn trãi, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà nội                    | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                                                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 183 | Nguyễn Thị Thu Huyền   | 10/06/2003 | Nữ        | 2       |           | cụm 6, xã Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội                                         | TLA106      | Công nghệ thông tin                                                                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 184 | Nguyễn Minh Khải       | 25/02/2003 | Nam       | 2       |           | số 212, Đường Bà Triệu, Hàm Rồng, Thanh Hóa                                    | TLA403      | Kế toán                                                                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 185 | Nguyễn Phúc Khang      | 06/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 95 T4CT1A4 Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng                         | TLA112      | Kỹ thuật điện                                                                      | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 186 | Trần A Khang           | 15/07/2003 | Nam       | 3       |           | 4/773 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội                           | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 187 | Lê Chúc Khanh          | 14/12/2003 | Nữ        | 3       |           | 186 Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà nội                                   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                                                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT  | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                           | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                   | Đối tượng xét tuyển                                                                        |
|-----|----------------------|------------|-----------|---------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 188 | Đặng Nam Khánh       | 18/03/2003 | Nam       | 3       |           | 420, Thanh Lâm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội                                     | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 189 | Hoàng Nam Khánh      | 06/11/2003 | Nam       | 3       |           | P312 K2 Hào Nam, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội                                   | TLA114      | Quản lý xây dựng                               | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 190 | Nguyễn Văn Gia Khánh | 19/08/2003 | Nam       | 3       |           | 82 Căng 2, Lê Lợi, Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng                              | TLA405      | Thương mại điện tử                             | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 191 | Hoàng Đăng Khoa      | 12/06/2003 | Nam       | 3       |           | Nhà 21, ngách 22, ngõ 183, Hoàng Văn Thái, Khương trung Thanh Xuân, Hà Nội   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 192 | Đỗ Việt Khôi         | 09/10/2003 | Nam       | 3       |           | Nhà 59C, ngõ 93, Nghĩa Dũng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội                        | TLA109      | Kỹ thuật môi trường                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 193 | Đậu Ngọc Trung Kiên  | 16/12/2003 | Nam       | 3       |           | Nhà B5, phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà nội                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 194 | Hoàng Trung Kiên     | 19/06/2003 | Nam       | 2NT     |           | Mình Quang, Kiến Xương, Thái Bình                                            | TLA120      | Kỹ thuật cơ điện tử                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 195 | Lường Mạnh Kiên      | 15/05/2003 | Nam       | 1       | 01        | Khối Tân Thủy, Trĩ trấn Tuần Giáo, Tỉnh Điện Biên                            | TLA117      | Kỹ thuật phần mềm                              | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 196 | Nguyễn Trung Kiên    | 31/01/2003 | Nam       | 2       |           | Số 8, phố Vũ Giới, Suối Hoa, Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                         | TLA201      | Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên |
| 197 | Nguyễn Trung Kiên    | 29/08/2003 | Nam       | 1       |           | Phường Đồng Tâm, Thành phố yên Bái, Tỉnh yên Bái                             | TLA401      | Kinh tế                                        | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 198 | Quách Huy Kiên       | 17/07/2003 | Nam       | 3       |           | P505B, C4, Thanh xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội                                | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 199 | Nguyễn Tuấn Kiệt     | 22/12/2002 | Nam       | 3       |           | Phường Gia Thụy, Long Biên, hà nội                                           | TLA124      | Kỹ thuật điện tử - viễn thông                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 200 | Nguyễn Tuấn Kiệt     | 23/09/2003 | Nam       | 3       |           | C16, tập thể HVHC Quốc Gia, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                        | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 201 | Đặng Xuân Kỳ         | 26/12/2003 | Nam       | 3       |           | 147 Yên Phụ, phường Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 202 | Nguyễn Lê Thục Lam   | 03/10/2003 | Nữ        | 3       |           | P206B3, 189 Thanh Nhân, Quỳnh Lôi, Hai Bà trung, Hà Nội                      | TLA405      | Thương mại điện tử                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 203 | Phạm Thanh Lam       | 10/08/2003 | Nam       | 2NT     |           | Thôn Thành Đạt, xã Thiệu Long, Huyện Thiệu hóa, Thanh Hóa                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 204 | Bùi Văn Lâm          | 06/12/2003 | Nam       | 2       |           | số nhà 66, TDP Trung bình La Dương, Dương Nội Hà Đông, Hà Nội                | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 205 | Nguyễn Anh Lâm       | 01/06/2003 | Nam       | 3       |           | Số 4, TT6C, Tây Nam Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội                              | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 206 | Phạm Khánh Lâm       | 09/11/2003 | Nam       | 3       |           | Số nhà 36, đường 174, Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 207 | Phạm Quyền Lâm       | 26/03/2003 | Nam       | 2NT     |           | Đội 1, xã Đông Lĩnh, Thành phố Thanh Hóa                                     | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 208 | Nguyễn Mai Lan       | 08/05/2003 | Nữ        | 2NT     |           | xóm Bàng, xã Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh                                 | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |

| TT  | Họ và tên               | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                  | Mã ngành TT | Tên ngành TT                         | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|-------------------------|------------|-----------|---------|-----------|---------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 209 | Nguyễn Thị Lan          | 21/05/2003 | Nữ        | 2       |           | Số nhà 06, ngõ 947, Trần hưng Đạo, phố 7, Văn Giang, Ninh Bình      | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 210 | Mai Thị Nhật Lệ         | 17/05/2001 | Nữ        | 2NT     |           | Xuân Tiến, Xuân Trường, Nam Định                                    | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                         | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 211 | Nguyễn Hoàng Lịch       | 03/03/2003 | Nam       | 3       |           | Số 28 LK 16 tổ 5, La Khê, hà Đông, hà nội                           | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 212 | Chu Tường Linh          | 24/03/2003 | Nữ        | 3       |           | 407A4 nhà A, tổ 26 Nghĩa Đô, phường Nghĩa Đô, Quận cầu Giấy, Hà Nội | TLA119      | Công nghệ sinh học                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 213 | Đặng Khánh Linh         | 26/10/2003 | Nữ        | 1       |           | Phường Phú Thụ, Kinh Môn, Hải Dương                                 | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 214 | Đỗ Huyền Linh           | 28/05/2003 | Nữ        | 1       |           | Thị trấn Cổ Phúc, Trấn Yên, Yên Bái                                 | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 215 | Đỗ Thị Thùy Linh        | 28/05/2003 | Nữ        | 1       |           | Xã Từ Nê, Tỉnh Hòa Bình                                             | TLA401      | Kinh tế                              | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 216 | Dương Diệu Linh         | 19/07/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 302, nhà D4, phường Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội              | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 217 | Dương Khánh Linh        | 29/03/2003 | Nữ        | 3       |           | 118 Thủ lệ I, Cống Vị, ba Đình, hà nội                              | TLA405      | Thương mại điện tử                   | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 218 | Dương Phương Linh       | 08/08/2003 | Nữ        |         |           | Thắng Lợi, Phường Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội                        | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 219 | Lê Hồng Ngọc Linh       | 13/01/2003 | Nữ        | 3       |           | 12LK3D khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội        | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 220 | Nguyễn Diệu Linh        | 08/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 53 Hàng Đào, phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm, Hà nội             | TLA401      | Kinh tế                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 221 | Nguyễn Hoàng Khánh Linh | 06/11/2003 | Nữ        | 1       |           | Tổ 8, phường hồng Hà, thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái               | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 222 | Nguyễn Khánh Linh       | 10/02/2003 | Nữ        | 3       |           | số 12, ngõ 45 phố Cự lộc, phường Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội    | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 223 | Nguyễn Lê Khánh Linh    | 30/10/2003 | Nữ        | 3       |           | P408, B1, TT Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội                              | TLA401      | Kinh tế                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 224 | Nguyễn Mai Linh         | 03/07/2003 | Nữ        | 2       |           | Tổ 6, Khu tân Lập 4, Phường Cẩm Thủy, Cẩm Phả, Quảng Ninh           | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 225 | Nguyễn Phương Linh      | 21/03/2003 | Nữ        | 2       |           | Phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh                  | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 226 | Nguyễn Quang Linh       | 19/11/2003 | Nam       | 2       |           | 30/32/658 Trần Huy Liệu, Mỹ Xá, Nam Định                            | TLA405      | Thương mại điện tử                   | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 227 | Nguyễn Thị Linh         | 21/12/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Yên Trung, Yên Phong, Bắc Ninh                                      | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 228 | Nguyễn Thùy Linh        | 08/05/2003 | Nữ        | 2       |           | Thôn Trung Thượng, Xã Đại Hùng, Huyện Ứng Hòa, Hà Nội               | TLA117      | Kỹ thuật phần mềm                    | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 229 | Nguyễn Trà Linh         | 28/09/2003 | Nữ        | 3       |           | 462 Quang Trung, La Khê, Hà Đông Hà Nội                             | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT  | Họ và tên          | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                       | Mã ngành TT | Tên ngành TT                         | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|--------------------|------------|-----------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 230 | Phạm Thị Nhật Linh | 04/04/2003 | Nữ        | 3       |           | Hà Đông, Hà Nội                                                          | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 231 | Phan Thùy Linh     | 27/08/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 10, ngõ 50 Kim Hoa, Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội                      | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 232 | Trần Phương Linh   | 01/08/2003 | Nữ        | 2       |           | Tổ 9, khu 1 phường Hồng Hà, Hạ Long, Quảng Ninh                          | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 233 | Trần Tuấn Linh     | 21/04/2003 | Nam       | 3       |           | Số 9, ngõ 16 Hoàng Lâu, Ô Chợ Dừa Đống Đa, hà nội                        | TLA405      | Thương mại điện tử                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 234 | Trương Trúc Linh   | 29/12/2003 | Nữ        | 2       |           | Số 13, ngõ 44, Phú Nhi 2, phường Phú thịnh, Sơn Tây, Hà Nội              | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 235 | Từ Khánh Linh      | 30/11/2003 | Nam       | 2       |           | Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội                                               | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 236 | Vũ Thùy Linh       | 21/06/2003 | Nữ        | 1       |           | Số 226, tổ 7, phường Phương Lâm, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình       | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 237 | Vũ Trang Linh      | 28/12/2003 | Nữ        | 3       |           | 22B Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 238 | Đặng Thành Lợi     | 03/01/2002 | Nam       | 2       |           | Xã Nam Vân, Tp Nam Định, Tỉnh Nam Định                                   | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 239 | Dương Mạnh Long    | 06/07/2003 | Nam       | 3       |           | 16 ngõ Vạn Anh, Khâm Thiên, Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 240 | Hoàng Long         | 06/10/2003 | Nam       | 3       |           | P203 Nhà B7, Tập thể Kim Liên, Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội          | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 241 | Nguyễn Chúc Long   | 09/02/2003 | Nam       | 2NT     |           | thị trấn Triệu Sơn, Triệu Sơn, Thanh Hóa                                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 242 | Nguyễn Khắc Long   | 07/02/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Dân Chư, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh, và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên                      |
| 243 | Phạm Hoàng Long    | 02/01/2003 | Nam       | 2NT     |           | Hoàng Trù, Kim Liên, Nam Đàn                                             | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 244 | Hoàng Thiên Lương  | 14/01/2003 | Nam       | 3       |           | Số 7, hẻm 22/16 ngõ Lệnh Cư, Phố Khâm Thiên, Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội   | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 245 | Lê Quang Lương     | 11/08/2003 | nam       | 1       |           | Thị trấn Bắc Hà, Huyện Bắc Hà, ,Lào Cai                                  | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                        | Đối tượng 30A và 3 năm học sinh giỏi                                                      |
| 246 | Vũ Đức Lương       | 29/10/2003 | Nam       | 2NT     |           | Thôn Lương Phú, Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình                           | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 247 | Đỗ Thị Cẩm Ly      | 08/01/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Thôn Phi Liệt, Xã Liên Nghĩa, Văn Giang, Hưng Yên                        | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 248 | Trần Ngọc Mai      | 19/04/2003 | Nữ        | 3       |           | Quốc Bảo, Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội                                    | TLA405      | Thương mại điện tử                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 249 | Dương Hoàng Mạnh   | 08/08/2003 | Nam       | 3       |           | Số 16, ngõ 100, phố Tân Khai, Tổ 22, Phường Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 250 | Nguyễn Duy Mạnh    | 14/03/2003 | Nam       | 1       |           | thôn 6, xã lạng Sơn, Huyện Anh Sơn, Nghệ An                              | TLA124      | Kỹ thuật điện tử - viễn thông        | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |

| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                                          | Mã ngành TT | Tên ngành TT                         | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|------------------------|------------|-----------|---------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 251 | Tạ Đức Mạnh            | 24/10/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà nội                                                              | TLA116      | Hệ thống thông tin                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 252 | Nguyễn Thị Lương Mây   | 14/05/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 49, ngách 36, ngõ Giếng Mút, phố Bạch Mai, phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 253 | Bùi Bình Minh          | 21/11/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 1, An Hòa, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội                                                       | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 254 | Đào Đức Minh           | 05/11/2003 | Nam       | 3       |           | Căn hộ 2705 nhà N01A CC Quân Đội K35 Tân Mai, Tương Mai, Hà Nội                             | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa   | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 255 | Đào Lê Hoàng Minh      | 24/10/2003 | Nam       | 3       |           | P508A3, phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội                                           | TLA401      | Kinh tế                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 256 | Đoàn Tài Lê Minh       | 12/08/2003 | Nam       | 3       |           | 6 ngách 1/12 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội                           | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 257 | Dương Nhật Minh        | 26/06/2003 | Nam       | 3       |           | Số 58 ngõ 291 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội                                              | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 258 | Lê Ngọc Minh           | 01/06/2003 | Nam       | 2       |           | Vũ Di, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc                                                                | TLA404      | Kinh tế xây dựng                     | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 259 | Nghiêm Quang Minh      | 01/11/2003 | Nam       | 1       |           | Phường Phương Lâm, Hòa Bình, Tỉnh hòa Bình                                                  | TLA116      | Hệ thống thông tin                   | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 260 | Nguyễn Đăng Nhật Minh  | 16/05/2003 | Nam       | 3       |           | Số 138 ngách 95/8 Chùa Bộc, Phường trung liệt, Đống Đa, Hà Nội                              | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy    | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 261 | Nguyễn Lương Nhật Minh | 14/02/2003 | Nam       | 3       |           | Số 3, ngách 62 ngõ 158 đường Trương Định, Hai bà Trưng, Hà Nội                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 262 | Nguyễn Thị Diệu Minh   | 10/11/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Nghĩa chi, Minh Đạo, Tiên Du, Bắc Ninh                                                      | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 263 | Phạm Đức Minh          | 21/11/2003 | Nam       | 3       |           | 8/12A Lý Nam Đế, Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                 | TLA112      | Kỹ thuật điện                        | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 264 | Phạm Quang Minh        | 27/01/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ dân phố Tháp, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà nội                                                | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 265 | Phùng Khương Minh      | 02/10/2003 | Nam       | 3       |           | số 38B, 366/8 Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, Long Biên, Hà nội                                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 266 | Phùng Tuấn Minh        | 23/07/2003 | nam       | 1       |           | Số nhà 48, tổ 19, Tân Thịnh, Tp Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                                     | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 267 | Tạ Nhật Minh           | 03/11/2003 | Nam       | 3       |           | 24 ngõ 181 Trường Chinh, Khương Mai, Hà Nội                                                 | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 268 | Vũ Hoàng Minh          | 27/10/2003 | Nam       | 2       |           | Khu dân cư bắc hải, thị trấn Vĩnh bảo, Huyện Vĩnh bảo, Hải Phòng                            | TLA114      | Quản lý xây dựng                     | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 269 | Vũ Nhật Minh           | 30/04/2003 | Nam       | 2NT     |           | Khu 5 thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa                                                 | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 270 | Vũ Tiến Minh           | 12/11/2003 | Nam       | 3       |           | 464 D3 Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội                                                           | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 271 | Vương Đức Minh         | 15/04/2003 | Nam       | 1       |           | khu 2, xã Thạch Đồng, huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ                                        | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                        | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |

| TT  | Họ và tên            | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                             | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                   | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|----------------------|------------|-----------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 272 | Nguyễn Thị Mơ        | 28/06/2002 | Nữ        | 2       |           | Cụm 8A, Báo Lộc, Vồng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội                                  | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 273 | Đặng Thị Trà My      | 25/09/2003 | Nữ        | 1       |           | Tiểu khu Lưu Thuận, Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình                    | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 274 | Đỗ Hải Nam           | 20/09/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Đồn Xá, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam                                         | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 275 | Nguyễn Hoài Nam      | 14/10/2003 | Nam       | 3       |           | 33 An Dương, Tây Hồ, Hà Nội                                                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 276 | Nguyễn Hoài Nam      | 16/01/2003 | Nữ        | 2       |           | Thôn Quýéch, Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội                                      | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 277 | Vương Tiến Nam       | 06/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 111 ngõ 178 Nguyễn Lương Bằng, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội                 | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 278 | Hoàng Trang Ngân     | 16/07/2003 | Nữ        | 2       |           | Đồng Thành, Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình                                          | TLA102      | Kỹ thuật tài nguyên nước                       | Học sinh trường chuyên và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên                           |
| 279 | Võ Thị Kim Ngân      | 13/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Phường Văn Đầu, Quận Kiến An, Hải Phòng                                        | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 280 | Hoàng Trọng Nghĩa    | 13/06/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 22 Lĩnh Lam, Hoàng mai, hà nội                                              | TLA119      | Công nghệ sinh học                             | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 281 | Bùi Minh Ngọc        | 04/07/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 11 Hàng Chuối, Phạm Đình Hồ, Hai Bà trung, Hà Nội                           | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 282 | Ngô Thị Bích Ngọc    | 10/09/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Vũ Hạ, An Vũ, Quỳnh Phụ, Thái Bình                                             | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 283 | Nguyễn Thị Ngọc      | 08/04/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Thị trấn Lim, Tiên Du, Bắc Ninh                                                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 284 | Nguyễn Thị Minh Ngọc | 18/02/2003 | Nữ        | 1       |           | Xã Côi Nà, Mai Sơn, Sơn La                                                     | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 285 | Phan Thị Bích Ngọc   | 29/08/2003 | Nữ        | 2NT     |           | TDP Góc Gạo, Trĩ trấn Gia Khánh, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc                         | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                   | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 286 | Trương Minh Ngọc     | 14/04/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Tổ 9, Khu 2, Hồng Gai, Hạ Long, Quảng Ninh                                     | TLA403      | Kế toán                                        | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 287 | Đinh Khôi Nguyên     | 01/04/2003 | Nam       |         |           | P1304 tòa C, tổ hợp CC cao cấp N04 Hoàng Đạo Thúy, Trung hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 288 | Ngô Minh Nguyên      | 09/10/2003 | Nam       | 3       |           | 11 sơn Tây, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội                                         | TLA106      | Công nghệ thông tin                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 289 | Nguyễn Phương Nguyên | 23/06/2003 | Nữ        | 3       |           | P411, B5, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội                                            | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                                   | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 290 | Nguyễn Thảo Nguyên   | 25/10/2003 | Nữ        | 3       |           | P906 Nhà M5, tổ 12, Khu TT văn Công, Quận Đống, Mai dịch, Cầu Giấy, Hà Nội     | TLA201      | Chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 291 | Phạm Khôi Nguyên     | 21/01/2003 | Nam       | 3       |           | 11b, Ngõ Sỹ Liên, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội                                    | TLA401      | Kinh tế                                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 292 | Trần Khánh Nguyên    | 18/05/2003 | Nam       | 3       |           | Phòng 2008, 137 Nguyễn ngọc Vũ, Cầu Giấy, hà Nội                               | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy              | Học sinh trường chuyên và đạt giải nhì kỳ thi học sinh giỏi môn Vật Lý cấp Quốc gia       |

| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                                                                                           | Mã ngành TT | Tên ngành TT                       | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|------------------------|------------|-----------|---------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 293 | Lê Ánh Nguyệt          | 24/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Thôn Hưng Giáo, xã Tam Hưng, Huyện Thanh Oai, Hà Nội                                                                                         | TLA403      | Kế toán                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 294 | Nguyễn Thị Ánh Nguyệt  | 08/10/2003 | Nữ        | 1       |           | Tổ 14, phường Thịnh Lang, tp Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                                                                                         | TLA402      | Quản trị kinh doanh                | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 295 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | 24/02/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Bùi Xá, Ngũ Thái, Thuận Thành, Bắc Ninh                                                                                                      | TLA402      | Quản trị kinh doanh                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 296 | Trần Thanh Nhân        | 04/07/2003 | Nữ        | 1       |           | Thị trấn Hát Lót, Mai Sơn, Tỉnh Sơn La                                                                                                       | TLA401      | Kinh tế                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 297 | Nguyễn Đình Nhân       | 24/11/2003 | Nam       | 2       |           | 38H Bắc ô 17 phường hạ Long, Nam Định                                                                                                        | TLA402      | Quản trị kinh doanh                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 298 | Đỗ Bá Nhật             | 02/09/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Bắc Lý, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam                                                                                                        | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 299 | Nguyễn Yến Nhi         | 15/05/2003 | Nữ        | 3       |           | 8 ngõ 285 Đồng Kim Ngưu, Hai Bà Trưng, Hà Nội                                                                                                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 300 | Vũ Cao Yến Nhi         | 22/03/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ 9, cụm 2, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội                                                                                                      | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 301 | Trần Thị Quỳnh Như     | 01/10/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội                                                                                                             | TLA405      | Thương mại điện tử                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 302 | Vũ Hồng Nhung          | 31/08/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Tam hưng, Huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng                                                                                                    | TLA402      | Quản trị kinh doanh                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 303 | Nguyễn Khang Ninh      | 25/10/2003 | Nam       | 3       |           | Cán bộ 306, Nhà chung cư số 3 thuộc dự án nhà ở công vụ & nhà ở chung cư Văn phòng Quốc Hội, ngõ 217 Đê La Thành, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội | TLA117      | Kỹ thuật phần mềm                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 304 | Đỗ Thị Tú Oanh         | 20/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 23, LK12, Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội                                                                                                 | TLA403      | Kế toán                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 305 | Nguyễn Hoàng Oanh      | 04/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Xóm Giữa, Thanh Liệt, Thanh trì, Hà Nội                                                                                                      | TLA106      | Công nghệ thông tin                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 306 | Nguyễn Thị Kiều Oanh   | 24/10/2003 | Nữ        | 1       |           | Xã Tân Thanh, Văn Lãng, Lạng Sơn                                                                                                             | TLA405      | Thương mại điện tử                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 307 | Đình Nhật Phong        | 25/06/2003 | Nam       | 3       |           | Số nhà 14, ngõ 254, Phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội                                                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 308 | Đoàn Hải Phong         | 02/12/2003 | Nam       | 3       |           | Số 10, ngõ 189 ngách 61/6 đường Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội                                                                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 309 | Nguyễn Thế Phong       | 15/03/2003 | Nam       | 2NT     |           | Trung Kênh, lương tài, bắc Ninh                                                                                                              | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 310 | Trần Huy Phong         | 21/11/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ dân phố 17, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà nội                                                                                                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 311 | Liễu Triệu Hoàng Phúc  | 12/12/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 5, Lĩnh Lam, Hoàng Mai, Hà Nội                                                                                                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 312 | Lương Quang Phúc       | 03/10/2000 | Nam       | 3       |           | Số 76 ngõ 1, Bùi xương Trạch, Khương Đình Thanh Xuân, Hà Nội                                                                                 | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                      | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 313 | Nguyễn Đình Phúc       | 25/03/2003 | Nam       | 2       |           | 15 Nguyễn Bình, Hiến Nam, Hưng Yên                                                                                                           | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |

| TT  | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                  | Mã ngành TT | Tên ngành TT                         | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|---------------------|------------|-----------|---------|-----------|---------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 314 | Phạm Nguyễn Phúc    | 29/07/2003 | Nam       | 3       |           | Phường Phan Thiết, Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang                    | TLA114      | Quản lý xây dựng                     | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 315 | Nguy Xuân Phương    | 07/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ 14, phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội                    | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 316 | Nguyễn Lê Phương    | 12/08/2003 | Nữ        | 1       |           | Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu, Thành phố Yên Bái, Yên Bái                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 317 | Nguyễn Mai Phương   | 19/02/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Xóm 1, thôn Bình Minh, xã Quỳnh Xá, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 318 | Nguyễn Nam Phương   | 08/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 12, ngõ 2, phố Cao Thắng, Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội              | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 319 | Nguyễn Ngọc Phương  | 05/11/2003 | Nữ        | 3       |           | 121 tổ 14B, thanh Lương, Hai Bà Trưng, hà Nội                       | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 320 | Nguyễn Thu Phương   | 12/11/2003 | Nữ        | 2       |           | Thôn Lai Xá, Xã Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội                         | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 321 | Trịnh Việt Phương   | 21/05/2003 | Nam       | 3       |           | 544 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân bắc, Thanh Xuân, hà nội                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 322 | Nguyễn Minh Quân    | 11/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 18, ngách 178/5 ngõ 178 Tây Sơn, Trung liệt, đông đa, hà Nội     | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 323 | Nguyễn Quý Anh Quân | 11/12/2003 | Nam       | 3       |           | 2b, ngách 291/22 phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội            | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 324 | Nguyễn Tài Anh Quân | 28/09/2003 | Nam       | 3       |           | TDP Ngang, Phường Đại Mỗ, Quận nam Từ Liêm, Hà Nội                  | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 325 | Phạm Thế Quân       | 18/06/2003 | Nam       | 2       |           | Phú Nhi, Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội                                 | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa   | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 326 | Trần Anh Quân       | 28/06/2003 | nam       | 3       |           | Số 32, ngõ 306 Tây Sơn, Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội                  | TLA109      | Kỹ thuật môi trường                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 327 | Đỗ Đăng Quang       | 30/12/2003 | Nam       | 2       |           | phường Đông Thành, Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình                        | TLA401      | Kinh tế                              | Học sinh đạt giải cấp quốc gia                                                            |
| 328 | Lê Huy Quang        | 25/12/2003 | Nam       | 2       |           | 10/33 Cù Chính Lan, Trường Thi, Thanh Hóa                           | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 329 | Ngô Minh Quang      | 07/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 21 ngõ 174 Kim Ngưu, Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội            | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 330 | Nguyễn Đăng Quang   | 05/10/2003 | Nam       | 3       |           | Số 20 ngách 158/5 Ngọc Hà, Ba Đình, hà Nội                          | TLA401      | Kinh tế                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 331 | Nguyễn Minh Quang   | 16/06/2003 | Nam       | 3       |           | F512 C8 Quỳnh Mai, Quận Hai Bà trung, Hà Nội                        | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 332 | Nguyễn Minh Quang   | 14/02/2003 | Nam       | 2       |           | Tổ 2, phường Đề Thám, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình           | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 333 | Trần Đình Bảo Quang | 20/11/2003 | Nam       | 3       |           | 20/78/250 tổ 28A, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội                        | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 334 | Trần Minh Quang     | 05/11/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Trường yên, Huyện Hoa Lư, Ninh Bình                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                   | Mã ngành TT | Tên ngành TT                         | Đối tượng xét tuyển                                                                        |
|-----|-----------------------|------------|-----------|---------|-----------|----------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 335 | Hoàng Anh Quốc        | 06/01/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ 4, phường Thái Bình, Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                      | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                        | Học sinh trường chuyên                                                                     |
| 336 | Đặng Văn Quý          | 20/02/2003 | Nam       | 2       |           | Số 70 đường Tô Hiệu, Hiến Nam, Hưng Yên                              | TLA120      | Kỹ thuật cơ điện tử                  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 337 | Nguyễn Đức Quý        | 13/10/2003 | Nam       | 3       |           | TT Trường CĐXD số 1, TDP số 15, Trung Văn, nam Từ Liêm, Hà Nội       | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 338 | Nguyễn Chí Quyền      | 25/02/2003 | Nam       | 2       |           | Số 141 Nguyễn Thái Học, thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội           | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                      |
| 339 | Bùi Thị Quỳnh         | 26/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Bắc Lãm, Phú Lương, Hà Đông, hà nội                                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 340 | Đặng Diễm Quỳnh       | 24/03/2003 | Nữ        | 2       |           | Thôn Kim Châm, xã Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội                          | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 341 | Lâm Thủy Quỳnh        | 27/01/2003 | Nữ        | 3       |           | Phường Tràng Minh, Kiến An, Hải Phòng                                | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 342 | Nguyễn Văn Quỳnh      | 12/11/2003 | Nam       | 2NT     |           | Dân Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa                                         | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                        | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 343 | Trịnh Thị Hương Quỳnh | 11/06/2003 | Nữ        | 2       |           | Xóm 4, Đồng Nhân, Đông La, Hoài Đức, Hà Nội                          | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 344 | Vương Lê Quỳnh        | 19/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 9, Ngõ 497 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà nội                        | TLA403      | Kế toán                              | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 345 | Vũ Thị Sắc            | 10/07/2003 | Nữ        | 2       |           | Khu phố Thanh Nhân, Phường Đồng Ky, Xã Từ Sơn, Bắc Ninh              | TLA405      | Thương mại điện tử                   | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 346 | Đặng Thái Sơn         | 03/01/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xã Bình Nguyên, Huyện Kiến Xương, Thái Bình                          | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa   | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                 |
| 347 | Đình Nguyễn Nhật Sơn  | 26/01/2003 | Nam       | 3       |           | Số 48, ngõ 110, đường Nguyễn Hoàng Tôn, Tây Hồ, Hà Nội               | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên |
| 348 | Đồng Phú Sơn          | 10/11/2003 | Nam       | 3       |           | 39 Lý Thường Kiệt, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội                       | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 349 | Nguyễn Viết Sơn       | 04/05/2003 | Nam       | 2       |           | 111 Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội                        | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 350 | Nhâm Nguyễn Thái Sơn  | 12/06/2003 | Nam       | 3       |           | Tập thể Liên hiệp KHSX Vật liệu Chịu Lửa Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 351 | Trần Hải Sơn          | 25/09/2003 | Nam       | 2       |           | Tổ 11, Khu 2, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh                          | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa   | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                      |
| 352 | Vũ Tùng Sơn           | 03/08/2003 | Nam       | 3       |           | Số 61 ngõ Văn Hương, Tôn Đức Thắng, Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội        | TLA126      | Trí tuệ nhân tạo và khoa học dữ liệu | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                  |
| 353 | Nguyễn Mạnh Đức Tâm   | 03/02/2003 | Nam       | 3       |           | Số 22, Ngách 211/199 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội                | TLA106      | Công nghệ thông tin                  | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên  |
| 354 | Trần Ngọc Thái        | 06/06/2002 | Nam       | 3       |           | Tổ dân phố 5, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội                | TLA402      | Quản trị kinh doanh                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                           |
| 355 | Võ Tuấn Thái          | 18/08/1999 | Nam       | 2       | 03        | Xã Nghĩa Kỳ, Huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi                              | TLA117      | Kỹ thuật phần mềm                    | Học sinh trường chuyên                                                                     |

| TT  | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                           | Mã ngành TT | Tên ngành TT                        | Đối tượng xét tuyển                                                                             |
|-----|-----------------------|------------|-----------|---------|-----------|--------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 356 | Nghiêm Thị Thắm       | 20/11/2001 | Nữ        | 3       |           | Tổ dân phố 3, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội        | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 357 | Hà Mạnh Thắng         | 14/12/2003 | Nam       | 3       |           | Số 21 ngõ 74/30 tổ 11, Thượng Thanh, long Biên, Hà Nội       | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 358 | Quách Việt Thắng      | 05/08/2003 | nam       | 1       |           | Tổ 15, phường Tân Thịnh, Hòa Bình, Tỉnh hòa Bình             | TLA401      | Kinh tế                             | Học sinh trường chuyên                                                                          |
| 359 | Nguyễn Chí Thanh      | 16/02/2003 | Nam       | 2       |           | Thị Nguyên, Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội                     | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 360 | Nguyễn Hoàng Thanh    | 31/01/2003 | Nam       | 2       |           | Thôn Du Đồng, Xã Đại Hùng, Huyện ứng Hòa, Hà Nội             | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 361 | Trần Minh Thanh       | 11/07/2003 | Nữ        | 3       |           | Thôn Đông Trạch, Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội                 | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi, và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên |
| 362 | Vũ Thị Thu Thanh      | 01/07/2003 | Nữ        | 2       |           | Tổ 2, Khu 7B, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                           |
| 363 | Lâm Quang Thành       | 27/07/2003 | Nam       | 2       |           | 25/491, tổ 11, đường giải phóng, phường Trường Thi, Nam Định | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 364 | Nguyễn Đức Thành      | 10/09/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ 11, Phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình    | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh trường chuyên                                                                          |
| 365 | Phan Bá Thành         | 16/08/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 11B, Phường Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội               | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 366 | Đặng Thanh Thảo       | 02/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ dân phố 7, phường Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội              | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 367 | Hà Phương Thảo        | 22/09/2003 | Nữ        | 3       |           | CT3A, khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội   | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 368 | Nguyễn Phương Thảo    | 09/07/2003 | Nữ        | 3       |           | TT Đoàn Khảo Sát, Liễu Giai, ba Đình, Hà Nội                 | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên       |
| 369 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 02/03/2003 | Nữ        | 3       |           | Cầu Bươu, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 370 | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 05/10/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Xã Kim Kiên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An                     | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 371 | Tô Phương Thảo        | 29/04/2003 | Nữ        | 2NT     |           | xóm 1, Thôn Thượng Xã, Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình        | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                                |
| 372 | Lê Văn Thiên          | 26/03/2003 | Nam       | 1       |           | Thành phố Gia Nghĩa, Đăk Nông                                | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh trường chuyên và đạt giải cấp tỉnh                                                     |
| 373 | Đào Đức Thiện         | 06/02/2003 | Nam       | 1       |           | tổ 4, Tân Thanh, Điện Biên Phủ, Điện Biên                    | TLA401      | Kinh tế                             | Học sinh trường chuyên                                                                          |
| 374 | Đỗ Tiến Thịnh         | 14/07/2003 | Nam       | 1       |           | phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình                         | TLA101      | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy   | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                               |
| 375 | Nguyễn Đức Thịnh      | 07/07/2003 | Nam       | 1       |           | Phường Đồng Tiến, Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình                    | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh trường chuyên                                                                          |
| 376 | Nguyễn Viêt Đức Thịnh | 01/01/2003 | Nam       | 2       |           | Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Hà Nội                           | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                           |

| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                            | Mã ngành TT | Tên ngành TT                        | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|------------------------|------------|-----------|---------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 377 | Ninh Tiến Thịnh        | 06/07/2003 | Nam       | 2       |           | Tỉnh Nam Định, Nam Định                                                       | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 378 | Nguyễn Thị Thu         | 25/06/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Xóm 4, Thanh Sơn, Kim Bảng, Hà Nam                                            | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 379 | Lê Văn Thuận           | 12/07/2003 | Nam       | 2NT     |           | Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh hóa                                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 380 | Nguyễn Thanh Thúy      | 30/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 49 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội                  | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 381 | Đỗ Hoàng Anh Thy       | 02/11/2003 | Nữ        | 3       |           | 30B Hạ Hồi, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                  | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 382 | Nguyễn Kim Bảo Tiên    | 22/07/2003 | Nữ        | 3       |           | 12A06 Ct04, Khu nhà ở và trung tâm thương mại, phường Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 383 | Đào Mạnh Toàn          | 24/10/2003 | Nam       | 2       |           | Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội                                                  | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 384 | Đình Văn Toàn          | 12/06/2003 | Nam       | 2       |           | 62, Đường 2, ngõ 5, phố Đại Phong, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình       | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                       | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 385 | Lê Mỹ Ngọc Trâm        | 19/12/2003 | Nữ        | 2       |           | Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang                         | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 386 | Đào Huyền Trang        | 06/10/2003 | Nữ        | 1       |           | Thôn Ngòi Tu, xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh yên bái                        | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 387 | Dương Thị Thu Trang    | 03/11/2002 | Nữ        | 3       |           | Xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà nội                                  | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 388 | Hoàng Thu Trang        | 25/12/2003 | Nữ        | 2       |           | Thôn 2, Xã Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội                                        | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 389 | Lê Quỳnh Trang         | 16/08/2003 | Nữ        | 1       |           | Tổ 4, thị trấn Vị Xuyên, Huyện Vị Xuyên, Hà Giang                             | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 390 | Nguyễn Thị Thu Trang   | 18/06/2003 | Nữ        | 2       |           | Xã Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội                                                 | TLA405      | Thương mại điện tử                  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 391 | Nguyễn Thu Trang       | 07/04/2003 | Nữ        | 3       |           | 291 tổ 10 Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội                                    | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 392 | Thái Thu Trang         | 13/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Số 145C đường Trường Chinh, Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội                    | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 393 | Tô Linh Trang          | 01/11/2003 | Nữ        | 2       |           | 32A/716 Quang trung 2, Đông Vệ, Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa                     | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 394 | Trần Phương Trang      | 09/09/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ 4, Tân Mai, Hoàng Mai, Hà nội                                              | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 395 | Trương Thị Huyền Trang | 10/09/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Thị trấn Kiến Xương, Huyện Kiến Xương, Thái Bình                              | TLA403      | Kế toán                             | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 396 | Vương Thu Trang        | 03/11/2003 | Nữ        | 3       |           | Tổ 11, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                                     | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 397 | Bùi Thành Trung        | 14/11/2003 | Nam       | 2NT     |           | xã Vĩnh Long, Vĩnh Bảo, Hải Phòng                                             | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |

| TT  | Họ và tên              | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                    | Mã ngành TT | Tên ngành TT                                                  | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|------------------------|------------|-----------|---------|-----------|-----------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 398 | Đặng Thành Trung       | 22/04/2003 | Nam       | 3       |           | Số 11, ngõ 36/8, tổ 26, trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội                   | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 399 | Hoàng Đình Trung       | 14/01/2003 | Nam       | 2       |           | Xã Tân Chi, Huyện Tiên Du, Bắc Ninh                                   | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh trường chuyên và đạt 3 năm học sinh giỏi                                         |
| 400 | Nguyễn Đức Trung       | 30/07/2003 | Nam       | 3       |           | Số 35, phố 8/3 phường Minh Khai, Hai Bà trung, Hà Nội                 | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 401 | Phùng Đức Trung        | 30/01/2003 | Nam       | 3       |           | Số 7, ngõ 281, Vũ Hữu, Thanh Xuân bắc, Thanh Xuân, hà Nội             | TLA123      | Kỹ thuật ô tô                                                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 402 | Trần Đức Trung         | 21/06/2003 | Nam       | 3       |           | Số 4, ngách 13 ngõ 24 đường Ngô Quyền Tổ 6, Vạn Phúc, hà Đông, hà nội | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa                            | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 403 | Vũ Quốc Trung          | 02/10/2003 | Nam       | 3       |           | 13 ngõ 3, tổ 21, trung tự, Đồng Đa, Hà Nội                            | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 404 | Đặng Duy Trường        | 15/07/2003 | Nam       | 2       |           | phố Lê Đình, TDP Đôn Hậu, Khai Quang, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc             | TLA405      | Thương mại điện tử                                            | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 405 | Nguyễn Thiện Trường    | 16/03/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 1, Văn Quán, hà đông, hà nội                                       | TLA114      | Quản lý xây dựng                                              | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 406 | Đình Huy Tú            | 12/09/2003 | Nam       | 2       |           | Xóm Gốc Gao, Thôn Ngọc Than, Xã Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội             | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 407 | Lương Anh Tú           | 18/01/2003 | Nam       | 1       |           | Xã Đông Cuông, Huyện Văn Yên, Yên Tây                                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 408 | Trịnh Cẩm Tú           | 01/09/2002 | Nữ        | 3       |           | K51,TTK5, Tổ 3, Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội                               | TLA403      | Kế toán                                                       | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 409 | Đỗ Phúc Anh Tuấn       | 18/08/2003 | nam       | 1       |           | Tổ 1, phường Hữu Nghị, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình              | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh trường Chuyên                                                                    |
| 410 | Đỗ Sơn Tùng            | 05/08/2003 | Nam       | 3       |           | 304E3 Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội                                 | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt giải cấp tỉnh, và có chứng chỉ Tiếng Anh từ 5.0 trở lên                      |
| 411 | Nguyễn Ngọc Khánh Tùng | 03/06/2003 | Nam       | 2       |           | 121B, Lương Đắc Bằng, Đông Sơn , Thanh Hóa                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 412 | Nguyễn Quang Tùng      | 16/05/2003 | Nam       | 3       |           | P0806 Chung cư 57 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội                | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng                           | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 413 | Phan Văn Tùng          | 16/05/2003 | Nam       | 1       |           | Thôn Cạn, xã Bát Mọt, Thường Xuân, Thanh Hóa                          | TLA106      | Công nghệ thông tin                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 414 | Trần Diệp Đình Tùng    | 15/10/2003 | Nam       | 3       |           | Phòng 507 E3 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà nội                       | TLA405      | Thương mại điện tử                                            | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 415 | Đặng Thị Ánh Tuyết     | 02/10/2003 | Nữ        | 3       |           | Số nhà 22, ngõ 4, tổ 15, Động Lâm, Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội         | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 416 | Nguyễn Thanh Tuyết     | 10/12/2003 | Nữ        | 3       |           | P510B C16 Phường Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội                   | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 417 | Đỗ Hùng Ứng            | 23/09/2003 | Nam       | 1       |           | Xã Thống Nhất, Hạ Long, Quảng Ninh                                    | TLA104      | Kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật xây dựng) | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 418 | Đào Thị Uyên           | 16/01/2003 | Nữ        | 2       |           | Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội                                           | TLA402      | Quản trị kinh doanh                                           | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |

| TT  | Họ và tên           | Ngày sinh  | Giới tính | Khu vực | Đối tượng | Hộ khẩu thường trú                                                           | Mã ngành TT | Tên ngành TT                        | Đối tượng xét tuyển                                                                       |
|-----|---------------------|------------|-----------|---------|-----------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 419 | Lê Hạnh Uyên        | 01/12/2003 | Nữ        | 3       |           | Nhà A5 tập thể công ty cổ phần TVXD điện 1, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội | TLA406      | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 420 | Nguyễn Thị Thu Uyên | 07/10/2003 | Nữ        | 2       |           | Xóm Tụ, Tam Sơn, Từ Sơn, Bắc Ninh                                            | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 421 | Trần Văn Văn        | 29/10/2003 | Nam       | 2       |           | Khu phố 3, Cẩm Giang, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc ninh                          | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 422 | Cung Quốc Việt      | 22/11/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 26, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội                                            | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 423 | Hà Hải Việt         | 24/11/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 2, phường Trung Hòa, quận cầu Giấy, Hà Nội                                | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 424 | Nông Văn Việt       | 02/08/2003 | Nam       | 1       |           | Hộ Đáp, Lục Ngạn, Bắc Giang                                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt giải cấp tỉnh                                                                |
| 425 | Phạm Khánh Vinh     | 12/09/2003 | Nam       | 2       |           | Thị trấn Mai châu, Mai Châu, Hòa bình                                        | TLA407      | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | Học sinh trường chuyên                                                                    |
| 426 | Phạm Ngọc Vinh      | 31/05/2003 | Nam       | 3       |           | 32/49 Đức Giang Tổ 19, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội                          | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 427 | Trần Hà Vinh        | 15/09/2003 | Nam       | 1       |           | Tổ dân phố 7, Tân thanh, Điện Biên Phủ, Điện Biên                            | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 428 | Phạm Huy Vũ         | 13/01/2003 | Nam       | 3       |           | Tổ 18, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Hà nội                              | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 429 | Phan Anh Vũ         | 03/11/2003 | Nam       | 3       |           | 17B nhà C tập thể Trương Định, phường Tương Mai, Hoàng mai, Hà Nội           | TLA121      | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa  | Học sinh đạt giải cấp tỉnh và đạt 3 năm học sinh giỏi                                     |
| 430 | Vũ Đức Vương        | 23/04/2003 | Nam       | 3       |           | Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, hà nội                                         | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh có chứng chỉ Tiếng anh từ 5.0 trở lên và đạt học lực loại Khá năm lớp 12 trở lên |
| 431 | Ngô Hà Vy           | 01/05/2003 | Nữ        | 3       |           | 12 phố Yên Phụ, phường Yên Phụ, Tây hồ, Thành phố Hà Nội                     | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi và có chứng chỉ tiếng anh từ 5.0 trở lên                 |
| 432 | Nguyễn Phương Vy    | 01/03/2003 | Nữ        | 2       |           | Xóm 2, Xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An                                  | TLA106      | Công nghệ thông tin                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 433 | Thái Lê Xuân        | 04/05/2002 | Nam       | 2NT     | 6         | Xóm 5, xã Quỳnh Vãn, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An                           | TLA203      | Ngôn ngữ Anh                        | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |
| 434 | Trần Thị Thanh Xuân | 16/08/2003 | Nữ        | 2NT     |           | Xã Quỳnh Hưng, Huyện Quỳnh Phụ, Thái Bình                                    | TLA402      | Quản trị kinh doanh                 | Học sinh đạt 3 năm học sinh giỏi                                                          |